

Bản án số: 130/2024/HS-ST
Ngày 11 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan..

Hội thẩm nhân dân: Ông Lừ Văn Tuyên, bà Quản Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sồi Ngọc An Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Ngần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Vũ Thái S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18 tháng 3 năm 1982 tại thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tổ C, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Giảng viên trường đại học T6; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: là Đảng viên Đ thuộc Chi bộ Khoa học Tự nhiên – Công nghệ, Đảng bộ Trường Đại học T6 (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 239-QĐ/ĐU ngày 26/12/2023 của Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ Trường Đại học T6); con ông Vũ Hồng K sinh năm 1953 và bà Lôi Thị T sinh năm 1956; vợ là Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1985 (đã ly hôn) có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh S đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 11 năm 2003, tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: tiểu khu H, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: thợ nhôm kính; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1980, là con duy nhất trong gia đình, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh S đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Vì Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 12 năm 2002 tại

huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Sinh viên trường đại học T6; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Vì Văn T2 sinh năm 1980 và bà Lò Thị K1 sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh S đến nay có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

+ Ông Đinh Trọng P, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Lò Văn A, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Cà Văn T3, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Cầm Văn T4, sinh năm: 1982; nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Cà Văn K2, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Lò Văn Q, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Bà Lò Thị K1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Trần Thế M1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Vũ Thị Khánh C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tiểu khu H, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Nguyễn T5, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1, Vì Văn L có mối quan hệ quen biết, cùng tham gia nhóm Văn minh giao thông Sơn La trên mạng xã hội Facebook nên am hiểu Luật giao thông đường bộ và quy trình xử lý vi phạm của lực lượng Cảnh sát giao thông. Mặc dù không có thẩm quyền trong việc giải quyết, xử lý vi phạm giao thông nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân, S, L, T1 thống nhất: Khi tiếp xúc với

người dân tham gia giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La, sẽ đưa ra thông tin mình có khả năng “làm luật, bao luật” tức là khi tham gia giao thông sẽ không bị lực lượng Cảnh sát giao thông dừng xe để kiểm tra hay nếu có chỉ bị xử phạt nhẹ hoặc không bị xử phạt. Qua đó, chiếm đoạt tiền của các chủ phương tiện.

Với hành vi trên S, T1 và L đã thực hiện được 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn của tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1 chiếm đoạt của Đinh Trọng P sinh năm 1989, trú tại tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La số tiền 122.000.000 đồng

Đinh Trọng P có 02 chiếc xe ô tô đầu kéo loại 30 tấn, biển kiểm soát 26C-100.92 và 26H-006.67 chở hàng nông sản. Khoảng cuối tháng 11/2023, P gặp được Nguyễn Văn T1, T1 nói rằng mình có khả năng “làm luật, bao luật” cho các phương tiện tham gia giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La. Do tin tưởng nên P nhờ T1 “làm luật, bao luật” cho hai chiếc xe ô tô đầu kéo trên, tuyến Sơn La - M và ngược lại. T1 nói một mình Thường không lo được mà phải làm cùng Vũ Thái S nên gọi điện thoại cho S (bật loa ngoài cho P nghe), S đồng ý với 8.000.000 đồng/01 xe/01 tháng (trước đó, S, T1 đã thống nhất số tiền thu được của chủ phương tiện sẽ chia đôi, mỗi người sử dụng một nửa).

Ngày 20/11/2023, P chuyển 16.000.000 đồng tiền 01 tháng "làm luật, bao luật" từ số tài khoản của mình (B) đến số tài khoản của T1 (T7). Ngay sau đó, T1 chuyển 8.000.000 đồng đến số tài khoản của S (V), đồng thời gọi điện báo cho S biết đó là tiền P nộp "làm luật, bao luật". Ngày 14/12/2023, P gọi điện cho T1 hỏi việc đóng tiền "làm luật, bao luật" tháng thứ hai, T1 yêu cầu P đóng từ ngày 20/12/2023 đến ngày 20/01/2024. Ngày 15/12/2023, P chuyển 16.000.000 đồng từ tài khoản của mình đến số tài khoản của T1. Ngay sau khi nhận được tiền từ P, T1 chuyển 8.000.000 đồng đến số tài khoản của S và điện thoại báo cho S là P đã nộp tiền "làm luật, bao luật" tháng thứ hai. Ngày 17/12/2023, P gọi điện cho T1 đặt vấn đề nộp tiền "làm luật, bao luật" một năm thì số tiền phải nộp là bao nhiêu? T1 gọi điện cho S, cả hai thống nhất bớt 12.000.000 đồng, nghĩa là P phải nộp 180.000.000 đồng/02 xe/01 năm. Khoảng 21 giờ ngày 18/12/2023, P, S, T1 hẹn gặp nhau tại quán nước trên đường C, phường Q, thành phố S. Tại đây, S giới thiệu mình có quan hệ, quen biết với lực lượng cảnh sát giao thông nên P cứ yên tâm khi nộp tiền “làm luật, bao luật”, P tin tưởng và nói sẽ đóng tiền 06 tháng (kể từ ngày 20/01/2024 đến ngày 20/7/2024) là 90.000.000 đồng, S, T1 đồng ý. Ngày 19/12/2023, P chuyển 90.000.000 đồng từ tài khoản của mình cho S qua số tài khoản (B1) mang tên Nguyễn Thị Kim Y (bạn gái S). Ngay sau khi nhận được tiền của P, S chuyển lại cho T1 45.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền 122.000.000 đồng chiếm đoạt của Đinh Trọng P, Nguyễn Thái S1 và Nguyễn Văn T1 chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 24/12/2023, 02 chiếc xe ô tô đầu kéo, biển kiểm soát 26C-100.92 và 26H-006.67 của Đinh Trọng P tham gia giao thông bị lực lượng Cảnh sát giao thông tỉnh Sơn La lập biên bản vi phạm hành chính với lỗi "điều khiển xe chở hàng vượt trọng tải cho phép". Cùng ngày, P có đơn tố giác tội phạm nộp tại Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S về hành vi của S1, T1.

- Vụ thứ hai: Vũ Thái S, Vì Văn L1 chiếm đoạt của Lò Văn A, sinh năm 1993, Cà Văn T3, sinh năm 1989, cùng trú tại bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La và Cẩm Văn T4, sinh năm 1982, trú tại bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La số tiền 25.000.000 đồng

Khoảng đầu tháng 11/2023, Vì Văn L1 đưa ra thông tin với Lò Văn A (người cùng bản) là mình có khả năng “làm luật, bao luật” cho xe ô tô tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh Sơn La. Anh đặt vấn đề với L1 “làm luật, bao luật” cho 03 xe ô tô, biển kiểm soát 26K-7181 (của Cà Văn K2), 26C-003.81 (của Lò Văn A) và 26C-043.21 (của Lò Văn Q). L1 gọi điện cho S nói lại nội dung trên, S nói L1 có thể thu tiền “làm luật, bao luật” mỗi xe 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/01 năm, số tiền thu được L1 và S chia đôi. Sau đó, L1 nói với A thu mỗi xe 5.000.000 đồng/01 năm, A đồng ý. Anh, K2 và Q thống nhất A sẽ đại diện chuyển tiền 15.000.000 cho L1 trước, sau đó sẽ hoàn trả sau. Ngày 15/11/2023, A chuyển 15.000.000 đồng từ số tài khoản A1 của Văn A đến số tài khoản MB bank C1 của Vì Văn L1. Cùng thủ đoạn tương tự, ngày 16/11/2023 và ngày 18/11/2023 Vì Văn L thu của Cẩm Văn T4 và Cà Văn T3 mỗi người 5.000.000 đồng tiền 01 năm “làm luật, bao luật” cho xe ô tô biển kiểm soát 26C- 019.68 của T4 và xe ô tô biển kiểm soát 26C-094.68 của T3 khi tham gia giao thông trên địa bàn huyện S qua hình thức chuyển khoản.

Tổng số tiền 25.000.000 đồng nhận từ Lò Văn A, Cẩm Văn T4, Cà Văn T3 thì Vì Văn L1 chuyển cho Vũ Thái S 12.500.000 đồng, số còn lại L1 chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKS-P3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự; truy tố Vì Văn L1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên toà: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1 và Vì Văn L1 theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Thái S từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam gửi;

- Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vì Văn L1 từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo và tuyên trả tự do cho bị cáo T1, L1 ngay tại phiên nếu không bị tạm giam về một tội khác.

- Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đã thoả thuận, bồi thường cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu khác, cần ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại OPPO A74 của Vũ Thái S; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, loại xe 4 chỗ, sơn màu ghi, BKS: 23T - 0467 và các giấy tờ kèm theo; 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Promax của Nguyễn Văn T1; 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax của Vì Văn L1.

Trả lại cho bị cáo Vũ Thái S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6300 màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xám; 01 chiếc máy tính DELL màu đen xám; 01 chiếc máy tính Macbook Air; 01 Căn cước công dân số 014082012245 mang tên Vũ Thái S.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1: 01 chiếc điện thoại Iphone 5S.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L2: 01 chiếc điện thoại di động VIVO; 01 chiếc máy tính xách tay HP Pavilion.

Trả lại cho bà Lò Thị K1: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S.

Về án phí: Bị cáo Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1, Vì V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hình phạt mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của các bị hại ông Đinh Trọng P, ông Lò Văn A, ông Cà Văn T3, ông Cầm Văn T4; người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan ông Cà Văn K2, ông Lò Văn Q, ông Nguyễn Thân . Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục xét xử theo quy định.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1, Vì Văn L1 có lời khai nhận tội thống nhất, phù hợp với nhau, phù hợp với Cáo trạng về nội dung, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1 chiếm đoạt 122 triệu đồng của Đinh Trọng P: Ngày 20/11/2023 chiếm đoạt 16 triệu đồng, ngày 15/12/2023 chiếm đoạt 16.000.000 đồng và ngày 19/12/2023 là 90.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt 122.000.000 đồng Vũ Thái S và Nguyễn Văn T1 chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vũ Thái S, Vì Văn L1 thực hiện hành vi phạm tội cụ thể: Ngày 15/11/2023 chiếm đoạt 15.000.000 đồng của Lò Văn Anh .1 Ngày 18/11/2023 chiếm đoạt của Cầm Văn T4 và Cà Văn T3 mỗi người 5.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 25.000.000 đồng từ Lò Văn A, Cầm Văn T4 và Cà Văn T3. Vì Văn L1 chuyển tiền cho Vũ Thái S 12.500.000 đồng, số còn lại L1 chi tiêu cá nhân hết.

Từ những căn cứ chứng minh nêu trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1, Vì Văn L1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Về khung hình phạt áp dụng:

Bị cáo Vũ Thái S đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm đoạt 147.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm đoạt 122.000.000 đồng, vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Bị cáo Vì Văn L1, đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm đoạt 25.000.000 đồng, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và nghiêm trọng, gây ra nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo Vũ Thái S là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người đưa ra thông tin gian dối cho các bị cáo khác để bị hại tin tưởng giao tiền, chiếm đoạt và sử dụng phần lớn số tiền của các bị hại nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn T1 và Vì Văn L1 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm người thực hành, các bị cáo trực tiếp nhận tiền của bị hại và chiếm đoạt, sử dụng tiền của các bị hại nên các bị cáo cũng phải chịu

mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Cần áp dụng quy định về đồng phạm khi xem xét xử lý đối với các bị cáo theo Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Thái S thực hiện hành vi phạm tội 02 lần đối với Đinh Trọng P và Lò Văn Anh .1 Bị cáo Vi Văn L1 thực hiện hành vi phạm tội 03 lần đối với Lò Văn A, Cà Văn T3 và Cầm Văn T4. Do đó, bị cáo Vũ Thái S, Vi Văn L1 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, các bị cáo đã tác động gia đình chủ động bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Thái S có bố đẻ là ông Vũ Hồng K được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ G1 trao tặng Bằng khen; Trường Đại học T6 và bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 quá trình điều tra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vi Văn L1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; Trường Đại Học T6 và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, đối với bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, nơi làm việc bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cần mở lượng khoan hồng cho bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đảm bảo việc giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo L1 trước khi phạm tội đang là sinh viên có nhiều thành tích trong học tập có giấy khen của Đoàn trường, bằng khen giải thưởng cho nhóm cá

nhân về sáng kiến. Bị cáo L1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, nơi học tập bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo L1 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có nơi cư trú rõ ràng, được gia đình và chính quyền địa phương bảo lãnh cần mở lượng khoan hồng cho bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự cũng đảm bảo việc giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo trước khi bị bắt là sinh viên sống phụ thuộc gia đình, không có thu nhập, cần miễn việc khấu trừ một phần thu nhập.

Phù hợp quan điểm Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ.

Các bị cáo T1, L1 do bị cáo đang bị tạm giam nên cần áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. xác định các bị cáo không có tài sản riêng giá trị Tuy nhiên, xét các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, có điều kiện, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; không có khả năng thi hành án nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị cáo Vũ Thái S (đại diện là bà Vũ Thị Khánh C – chị gái ruột và ông Trần Thế M1 – anh rể) đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ số tiền 61.000.000 đồng cho bị hại ông Đinh Trọng P. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T1 (đại diện là bà Nguyễn Thị Á – mẹ đẻ và ông Nguyễn T5 – bác ruột) đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ số tiền 61.000.000 đồng cho bị hại ông Đinh Trọng P. Bị hại P đã nhận đủ số tiền bồi thường trên, không có đề nghị gì thêm nên cần ghi nhận việc tự thỏa thuận của hai bên.

Gia đình bị cáo Vì Văn L1 (đại diện là bà Lò Thị K1 – mẹ đẻ) đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng cho các bị hại Lò Văn A, Cà Văn T3 và Cầm Văn T4. Bị cáo Vì Văn L1 không yêu cầu bị cáo Vũ Thái S bồi thường chung đối với số tiền trên nên không xem xét. Các bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không đề nghị gì thêm nên cần ghi nhận việc tự thỏa thuận của các bên; đại diện cho các bị cáo đã bồi thường, không yêu cầu bị cáo hoàn lại số tiền trên nên không đặt ra xem xét.

[9] Về các đối tượng liên quan trong vụ án:

Đối với Nguyễn Thị Kim Y, quá trình điều tra xác định: Vũ Thái S có nhờ Y cho Đinh Trọng P chuyển tiền qua số tài khoản của Y, Y không biết hành vi phạm tội của S, cũng không biết số tiền 90.000.000 đồng P chuyển là tiền gì nên không có căn cứ xác định Y có liên quan đến vụ án.

Đối với Nguyễn Thị Á là mẹ đẻ của Nguyễn Văn T1, quá trình điều tra xác định: Nguyễn Văn T1 có một vài lần chuyển tiền đến số tài khoản của Á với lý do mẹ mua thuốc, Á không biết nguồn gốc số tiền, không biết hành vi phạm tội của T1 nên không có căn cứ xác định Á có liên quan đến vụ án.

Đối với Nguyễn Thị N và Nguyễn K3 là anh chị gái họ của Nguyễn Văn T1, quá trình điều tra xác định: Ngày 19/12/2023, T1 có chuyển tiền đến số tài khoản của N và K3 với lý do T1 cho N và K3 vay nên không có căn cứ xác định N và K3 có liên quan đến vụ án.

[10] Về xử lý vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A73, màu xanh cho Nguyễn Thị Kim Y (theo Quyết định xử lý vật chứng số 181/QĐ-VPCQCSĐT ngày 02/02/2024) .

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6300 màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xám và 01 chiếc máy tính DELL màu đen xám thu giữ của Vũ Thái S. Quá trình điều tra, theo biên bản làm việc kiểm tra ngày 24/12/2023 xác định điện thoại và máy tính không hoạt động, đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc máy tính Macbook Air thu giữ của Vũ Thái S, đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại OPPO A74 thu giữ của Vũ Thái S, qua quá trình điều tra, kiểm tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận là phương tiện để bị cáo liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 Căn cước công dân số 014082012245 mang tên Vũ Thái S, là vật chứng không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, loại xe 4 chỗ, sơn màu ghi và các giấy tờ kèm theo chiếc xe tại thời điểm thu giữ. Quá trình điều tra xác định chiếc ô tô trên bị cáo sử dụng tiền chiếm đoạt được để mua của Lê Việt D với số tiền 36.899.000 đồng, là tài sản do mua bán từ số tiền phạm tội mà có, do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 5s thu giữ của Nguyễn Văn T1, đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Promax thu giữ của Nguyễn Văn T1. Quá trình điều tra, kiểm tra xác định đây là chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s thu giữ của Vì Văn L1, đây là tài sản của bà Lò Thị K1 (mẹ đẻ của bị cáo), không liên quan đến hành vi phạm tội, bà K1 có đề nghị được nhận lại tài sản nên cần trả lại cho bà Lò Thị K1.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động VIVO và 01 chiếc máy tính xách tay HP Pavilion thu giữ của Vì Văn L1, đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến

hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax thu giữ của Vì Văn L1, quá trình điều tra, kiểm tra và tại phiên tòa xác định đây là chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Vì Văn L1 là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Vũ Thái S, Nguyễn Văn T1, Vì Văn L1 phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Thái S 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam giữ, tạm giam (Ngày 24/12/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 24 (hai mươi tư) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/6/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.3. Căn cứ khoản 1 điều 174; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Vì Văn L1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 159 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 477 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện S, tỉnh Sơn La nhận được Bản án, Quyết định thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Vì Văn L1 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Vì Văn L1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Vì Văn L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Vì Văn L1

1.4. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Vì Văn L1, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại OPPO A74 của Vũ Thái S, được niêm phong trong 01 chiếc phong bì của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S.

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, loại xe 4 chỗ, sơn màu ghi, BKS: 23T-0467 đã được niêm phong tại các vị trí cánh cửa trước, cửa sau, nắp capo và cốp xe và các giấy tờ kèm theo.

+ 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Promax của Nguyễn Văn T1, được niêm phong trong 01 chiếc phong bì thư của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S.

+ 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax của Vì Văn L1, được niêm phong trong 01 chiếc phong bì thư của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S.

2.2. Trả lại cho bị cáo Vũ Thái S

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6300 màu vàng, đã qua sử dụng, đã được niêm phong vào 01 phong bì để bảo quản theo quy định.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xám, đã qua sử dụng,

đã được niêm phong vào 01 phong bì để bảo quản theo quy định.

+ 01 chiếc máy tính DELL màu đen xám, đã qua sử dụng, đã được niêm phong vào 01 hộp giấy cát tông để bảo quản theo quy định.

+ 01 chiếc máy tính Macbook Air, đã qua sử dụng, được niêm phong trong 01 hộp vật chứng.

+ 01 Căn cước công dân số 014082012245 mang tên Vũ Thái S.

2.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1

+ 01 chiếc điện thoại Iphone 5S của Nguyễn Văn T1, được niêm phong trong 01 chiếc phong bì thư của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S.

2.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L2

+ 01 chiếc điện thoại di động VIVO của Vì Văn L1, được niêm phong trong 01 chiếc phong bì thư của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S.

+ 01 chiếc máy tính xách tay HP Pavilion của Vì Văn L1, được niêm phong trong 01 hộp vật chứng.

2.5. Trả lại cho bà Lò Thị K1

+ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S, đã qua sử dụng, được niêm phong trong 01 chiếc phong bì thư của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh S và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La)

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Buộc bị cáo Vũ Thái S phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vì Văn L1.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 11/6/2024).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La
- Cơ quan THAHS – CA huyện S;
- Cơ quan THAHS – CA huyện M;
- UBND TT. N, huyện M;
- UBND xã C, huyện S;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mai Lan